TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28**/2020/HS-ST
Ngày: 15/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Dương Thị Hồng Minh**
Thẩm phán: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Phi Hùng**
Ông **Đặng Công Thắng**
Ông **Huỳnh Hưng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà **Phan Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên toà để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLHS-ST ngày 26 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27 /2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S (C), sinh ngày 21/01/1975 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 05, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Con ông Nguyễn Văn C (c) và bà Phạm Thị V (s); Có vợ là Lê Thị Kiều L (đã ly hôn năm 2008) và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 1999; con nhỏ nhất sinh năm 2001); Năm 2009 bị cáo chung sống với chị Trương Thị Kim K (không đăng ký kết hôn) và có 01 con sinh năm 2010.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 1999, bị Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản công dân" thời gian thử thách 24 tháng (đã được xóa án tích).

Tiền án:

- Ngày 27/11/2003, bị Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý".

- Ngày 10/10/2012, bị Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 11 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý", bị cáo ra trại ngày 01/9/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 26/02/2020, tạm giam ngày 06/3/2020. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Siêng: Ông **Lê Hữu Ph –** Luật sư Công ty Luật TNHH MTV H và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa theo chỉ định của Tòa án. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc An, sinh năm 1979; Trú tại: 18 đường B, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thúy A, sinh năm 1993. Trú tại: tổ 46, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/02/2020, lực lượng tuần tra Phòng CSĐTTP về ma tuý Công an thành phố Đà Nẵng tuần tra tại ngã tư đường Đ giao với đường P, thuộc tổ 54, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng phát hiện xe mô tô BKS 43G1 – 40185 do Nguyễn Văn S điều khiển có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra phát hiện tại móc xe phía trước có bao nilong màu trắng bên trong có: 01 túi nilong có kích thước khoảng (11x17)cm chứa 570 viên nén màu xanh và 01 túi nilong có kích thước khoảng (8x13,5)cm chứa 90 viên nén màu xanh. Siêng khai nhận đây là ma tuý thuốc lắc, đem từ Đà Nẵng vào Quảng Nam để đổi lại.

***Tang vật thu giữ gồm:**

- 01 (một) túi nilong có kích thước khoảng (11x17)cm chứa 570 (năm trăm bảy mươi) viên nén màu xanh và 01 (một) túi nilong kích thước khoảng (8x13,5)cm chứa 90 (chín mươi) viên nén màu xanh, ký hiệu A.

- 01 (một) xe mô tô BKS 43G1 – 40165 màu xanh hiệu Air Blade có số khung: RLHJF6326KZ145468.

- 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen có seri 1: 357730102586279; seri 2: 357730103586278 gắn sim 84906200141.

- 01 (một) ĐTDĐ màu đen Nokia có seri 1: 357744101116525; seri 2: 357744101616524 gắn sim 1: 84905293160, sim 2: 84905411060.

- Số tiền 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) tiền nhà nước Việt Nam.

- 01 (một) ĐTDĐ Samsung màu đen Imol1: 352123115419149; Imol2: 352124114169149 gắn sim 0934938169

Kết luận giám định số 66/GĐ-MT ngày 04/32020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Mẫu viên nén màu xanh trong gói niêm phong

ký hiệu A gửi giám định là ma tuý, loại Methamphetamine và MDMA khối lượng mẫu A: **218,82** gam.

Lúc 17 giờ 10 phút ngày 26/2/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng thực hiện Lệnh khám xét nơi ở của Nguyễn Văn S tại phòng 203 khách sạn P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng không thu giữ tài liệu, đồ vật gì.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Nguồn gốc số ma tuý nêu trên Nguyễn Văn S khai là mua của một người tên H (không rõ địa chỉ) ở huyện D, tỉnh Quảng Nam vào ngày 25/2/2020, mua 680 viên ma tuý với giá 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) đem về cất giữ tại phòng 203 khách sạn P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. S đã lấy ra 02 (hai) viên để thử nhưng hàng xấu không đảm bảo chất lượng nên vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/02/2020, S đem toàn bộ số ma tuý đó vào huyện D, tỉnh Quảng Nam để gặp H đổi hàng lại, trên đường đi thì bị Công an phát hiện bắt quả tang như trên. S khai số ma tuý trên mua về cất giữ để sử dụng.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 25/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn S đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 4; khoản 5 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S mức án 20 năm tù. Phạt bổ sung số tiền từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự xử lý như sau:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì đã niêm phong, có đóng dấu của phòng kỹ thuật hình sự công an thành phố Đà Nẵng bên trong có số ma túy hoàn trả theo kết luận giám định số 66/CĐ-MT ngày 04/2/2020.

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+Số tiền 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

+01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen có seri 1: 357730102586279; seri 2: 357730103586278 gắn sim 84906200141.

+01 (một) ĐTDĐ màu đen Nokia có seri 1: 357744101116525; seri 2: 357744101616524 gắn sim 1: 84905293160, sim 2: 84905411060.

+01 (một) ĐTDĐ Samsung màu đen Imol1: 352123115419149; Imol2: 352124114169149 gắn sim 0934938169

Quan điểm của Luật sư Lê Hữu Phúc bào chữa, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn S thống nhất về tội danh, điểm, khoản, điều luật mà cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, luật sư cho rằng tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính, phải nuôi mẹ già con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Và do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có tài sản gì nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn S, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Lúc 14 giờ 00 phút ngày 26/02/2020, tại ngã tư đường Đ – đường P, thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng, Phòng CSĐT tội phạm về ma tuý Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn S đang tàng trữ trái phép chất ma tuý loại Methamphetamine và MDMA khối lượng ***218,82 gam***, mục đích để sử dụng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm h khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, mặc dù nhận thức được tác hại của các chất ma túy nhưng vì mục đích sử dụng cho nhu cầu nghiện của bản thân nên bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với số lượng lớn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Do đó, đối với bị cáo phải xử phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhiều lần, trong đó hai lần có hành vi mua bán trái phép chất ma tuý nhưng vẫn không chịu cải sửa mà tiếp tục phạm tội trong thời gian chưa được xoá án tích. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Quan điểm của Luật sư cho rằng bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính, phải nuôi mẹ già con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Và do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo không có tài sản gì nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

HĐXX thấy rằng lần phạm tội này là lần thứ tư bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự phải đưa ra xét xử cho nên không thể cho rằng bị cáo đã ăn năn, hối cải về việc làm của mình được. Từ ngày 01/9/2019, khi chấp hành án xong bản án thứ ba cho đến khi phạm tội lần này, bị cáo không có việc làm, không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già; hai con của bị cáo đều đã đủ tuổi trưởng thành. Việc bị cáo khai là đã chung sống với chị Trương Thị Kim K và có một con chung còn nhỏ, việc chung sống này không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận đề nghị của Luật sư được. Còn đối với hình phạt bổ sung thì phải áp dụng để thể hiện tính răn đe của pháp luật.

[7] Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 249 BLHS;

Ngoài hình phạt chính ra cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo số tiền 50.000.000đ.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ Luật hình sự xử lý như sau:

***Tuyên tịch thu tiêu huỷ**: 01 phong bì đã niêm phong, có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng bên trong có số ma tuý hoàn trả theo Kết luận giám định số 66/CĐ-MT ngày 04/02/2020.

*** Tuyên tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án:**

+ 01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen có seri 1: 357730102586279; seri 2: 357730103586278 gắn sim 84906200141;

+ 01 (một) ĐTDĐ màu đen Nokia có seri 1: 357744101116525; seri 2: 357744101616524 gắn sim 1: 84905293160, sim 2: 84905411060;

+ 01 (một) ĐTDĐ Samsung màu đen Imol1: 352123115419149; Imol2: 352124114169149 gắn sim 0934938169;

+ Số tiền 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) tiền nhà nước Việt Nam. Toàn bộ số vật chứng trên hiện nay Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 6/7/2020 và Biên lai thu tiền số 0000756 ngày 6/7/2020.

[9] Đối với đối tượng tên H, mà bị cáo khai là người bán ma tuý cho bị cáo nhưng hiện không xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan CSĐT sẽ tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với Hoàng Thuý A, vào thời điểm khám xét chỗ ở của bị cáo, Hoàng Thuý A có mặt trong phòng và có biểu hiện nghi vấn nên thử test phát hiện A dương tính với ma tuý nên Phòng CSĐTTP về ma tuý Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng và VKS không xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này là có căn cứ, HĐXX cũng không xem xét gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc An là người đã cho bị cáo mượn xe mô tô BKS 43G1-401.85, chị An không biết việc S dùng xe làm phương tiện mua ma túy về tàng trữ nên cơ quan CSĐT công an thành phố Đà Nẵng đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe cho chị An, nên HĐXX không xem xét.

[10]Về án phí:Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội *"**Tàng trữ trái phép chất ma túy**"*.

2. Căn cứ điểm h khoản 4; khoản 5 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S **20 (hai mươi) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/02/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn S số tiền **50.000.000đ** (năm mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; ***Tuyên:***

*** Tịch thu tiêu hủy:** 01 phong bì đã niêm phong, có đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng bên trong có số ma tuý hoàn trả theo Kết luận giám định số 66/CĐ-MT ngày 04/02/2020.

*** Tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án:**

-01 (một) ĐTDĐ Nokia màu đen có seri 1: 357730102586279; seri 2: 357730103586278 gắn sim 84906200141;

-01 (một) ĐTDĐ màu đen Nokia có seri 1: 357744101116525; seri 2: 357744101616524 gắn sim 1: 84905293160, sim 2: 84905411060;

-01 (một) ĐTDĐ Samsung màu đen Imol1: 352123115419149; Imol2: 352124114169149 gắn sim 0934938169;

Toàn bộ số vật chứng trên hiện Cục Thi hành án TP. Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/7/2020.

-Số tiền 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) tiền nhà nước Việt Nam (theo Biên lai thu tiền số 0000756 ngày 6/7/2020).

4. **Về án phí**: Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Đà Nẵng;
-VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN;
- PC 45 - CA TP. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS – Công an Tp Đà Nẵng;
- Trại giam Hoà Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Dương Thị Hồng Minh